

Soạn bài Tổng kết phần Văn học kì 2 - Ngữ văn lớp 8

Gợi ý trả lời câu hỏi ôn tập trang 130 - SGK

Câu 1. Lập bảng thống kê các văn bản Văn học Việt Nam đã học từ bài 15 ở lớp 8.

Trả lời:

TT	Văn bản	Tác giả	Thể loại	Giá trị nội dung chủ yếu
1	<i>Vào nhà ngục Quảng Đông cảm tác</i>	Phan Bội Châu	Thất ngôn bát cú Đường luật.	Phong thái ung dung và khí phách kiên cường của nhà chí sĩ Phan Bội Châu.
2	<i>Đập đá ở Côn Lôn</i>	Phan Châu Trinh	Thất ngôn bát cú Đường luật.	Khắc hoạ hình tượng người anh hùng cứu nước ngang tàng, khí phách.
3	<i>Muốn làm thằng Cuội</i>	Tản Đà	Thất ngôn bát cú Đường luật.	Thể hiện tâm sự bất hoà của tác giả trước thực tại tầm thường, xấu xa.
4	<i>Hai chữ nước nhà</i>	Trần Tuấn Khải	Song thất lục bát	Thể hiện nỗi bật tình cảm mãnh liệt đối với nước nhà.
5	<i>Nhớ rừng</i>	Thế Lữ	Thơ tự do	Thể hiện sự chán ghét thực tại, niềm khao khát tự do, lòng yêu nước thâm kín.
6	<i>Ông đồ</i>	Vũ Đình Liên	Thơ năm chữ	Thể hiện sâu sắc tình cảnh đáng thương của ông đồ và nỗi tiếc nhớ cảnh cũ người xưa của tác giả.
7	<i>Quê hương</i>	Giang Nam	Thơ tám chữ	Khắc hoạ hình ảnh tươi sáng, khoẻ khoắn, đầy sức sống của quê hương.
8	<i>Khi con tu hú</i>	Tố Hữu	Thơ lục bát	Thể hiện khát khao tự do của người chiến sĩ trong hoàn cảnh tù đày.
9	<i>Tức cảnh Pác Bó</i>	Hồ Chí Minh	Thơ thất ngôn tứ tuyệt	Nói lên tinh thần lạc quan, phong thái ung dung tự tại của Bác.
10	<i>Ngắm trăng (Vọng nguyệt)</i>	Hồ Chí Minh	Thơ chữ Hán, tứ tuyệt Đường luật	Thể hiện tình yêu thiên nhiên và phong thái ung dung của Bác.
11	<i>Đi đường (Tẩu lộ)</i>	Hồ Chí Minh	Thơ chữ Hán, tứ tuyệt Đường luật	Hàm súc, gợi ra tính biểu tượng về đường đời.
12	<i>Chiếu dời đô (Thiên đô chiếu)</i>	Lí Công Uẩn	Nghị luận trung đại	Thể hiện khát vọng của nhân dân về một đất nước độc lập, thống nhất, phản ánh ý chí tự cường của dân tộc.

Soạn bài Tổng kết phần Văn học kì 2 - Ngữ văn lớp 8

13	<i>Hịch tướng sĩ (Dụ chư tì tướng sĩ hịch văn)</i>	Trần Quốc Tuấn	Nghị luận trung đại	Phản ánh tinh thần yêu nước nồng nàn của dân tộc ta thể hiện qua lòng căm thù giặc và ý chí quyết thắng kẻ thù.
14	<i>Nước Đại Việt ta</i> (trích <i>Bình Ngô đại cáo</i>)	Nguyễn Trãi	Nghị luận trung đại	Văn bản có ý nghĩa như một bản tuyên bố chủ quyền, tuyên ngôn độc lập.
15	<i>Bàn luận về phép học</i> (Luận học pháp)	La Sơn Phu Tử Nguyễn Thiếp	Nghị luận trung đại	Bài văn nêu rõ mục đích, phương pháp học để trở thành người có ích.
16	<i>Thuế máu</i> (trích <i>Bản án chế độ thực dân Pháp</i>)	Nguyễn ái Quốc	Chính luận	Bài văn vạch trần tội ác của thực dân Pháp bằng giọng văn đanh thép, mỉa mai.

Câu 2*. Nêu sự khác biệt nổi bật về hình thức nghệ thuật giữa các văn bản thơ trong các bài 15, 16 và trong các bài 18, 19. Vì sao thơ trong các bài 18, 19 được gọi là "thơ mới"? Chúng "mới" ở chỗ nào?

Trả lời:

- Cả ba văn bản thơ trong các bài 15, 16 đều thuộc thể thơ thất ngôn bát cú Đường luật. Đây là thể thơ điển hình về tính quy phạm của thơ cổ, với số câu số chữ được hạn định, quy tắc về luật bằng – trắc, phép đối cũng như cách gieo vần rất chặt chẽ.

Các bài 18, 19 có hình thức thể hiện linh hoạt, phóng khoáng hơn. Tuy vậy, nó vẫn có những quy ước về số chữ, cách bắt vần riêng.

- Các bài thơ trong các bài 18, 19 được gọi là “thơ mới” vì chúng không tuân theo luật lệ gò bó của thơ cũ, đặc biệt là sự thể hiện phóng túng về nội dung cảm xúc.